

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 20-7-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Dũng

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Duuyên Hải

Ông Phạm Anh Chuyển

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Ban Tuyên giáo huyện Duuyên Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Tạ Văn L sinh ngày 25-8-2000 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 06/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Tạ Văn T và bà Nguyễn Thị L; tiền sự không; tiền án không; ngày 13-02-2018 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thành Đ sinh ngày 24-5-2000 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp ĐT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 07/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Đ; tiền sự không; tiền án không; ngày 13-02-2018 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Hán S sinh ngày 01-01-1998 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản; trình độ học vấn 11/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con

ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc H; tiền sự không; tiền án không; ngày 19-3-2018 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Hải Đ1 sinh ngày 21-01-1998 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp PT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản; trình độ học vấn 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Văn U và bà Đặng Thị M; tiền sự không; tiền án không; ngày 19-3-2018 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tạ Văn L:

Ông Tạ Văn Tri sinh năm 1968; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là cha của bị cáo (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1977; nơi cư trú ấp HT xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là mẹ của bị cáo (Có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành Đ:

Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1977; nơi cư trú ấp ĐT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là mẹ của bị cáo (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Tạ Văn L và Nguyễn Thành Đ: Ông Võ Hùng H là Luật sư của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- Người bị hại:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V, địa chỉ trụ sở số 197, tổ 17, thị trấn L, huyện L, tỉnh V (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Đỗ Công C sinh năm 1982; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Đường Văn B sinh năm 1972; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Huỳnh Văn T sinh năm 1966; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Trần Văn Q sinh năm 1963; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Trần Hoàng A sinh năm 1982; nơi cư trú ấp ĐA, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Hà Văn L sinh năm 1954; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn Q sinh năm 1982; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Như N sinh năm 1982; nơi cư trú ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Nguyễn Trọng N sinh ngày 07-01-2002; nơi cư trú ấp ĐA, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Trọng N:*

Ông Nguyễn Thái H sinh năm 1978; nơi cư trú ấp ĐA, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là cha của Nguyễn Trọng N (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị Giang H sinh năm 1979; nơi cư trú ấp ĐA, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh là mẹ của Nguyễn Trọng N (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19-11-2017, Tạ Văn L cùng với Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Trọng N sau khi đi uống cà phê trên đường về nhìn thấy chiếc xe cuốc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn V ký hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L 3 đang thi công đoạn đường dân sinh nội Tỉnh lộ 913 với đê biển H thuộc ấp HT, xã ĐH, huyện D. Lúc này, N rủ L và Đ lấy trộm bình ắc quy trên xe cuốc thì L và Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển số 84F5-5778 chở N và L về nhà của L lấy cây kim rồi trở lại chỗ xe cuốc, L đứng ở ngoài canh đường, còn N và Đ đi lên xe cuốc, N lấy cây kim cắt dây điện nối 02 cọc bình ra lấy bình ắc quy hiệu GS loại 120Ampe rinh ra xe mô tô, Đ tiếp tục dùng kim cắt dây điện nối 02 cọc bình lấy cái bình ắc quy hiệu GS loại 120Ampe còn lại rồi vác đem ra xe. Sau đó, Đ điều khiển xe chở Linh đem 02 cái bình ắc quy cất giấu ở bụi cây ven đường. Đến sáng ngày 20-11-2017 Đ chở L đem 02 cái ắc quy đến vừa thu mua phế liệu ở xã DT, thị xã D, tỉnh Trà Vinh bán được 800.000 đồng, Đ, L và N chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 02-01-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 120Ampe, đã qua sử dụng có giá trị là 2.700.000 đồng.

Ngày 12-02-2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra còn chứng minh được Tạ Văn L cùng đồng phạm còn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày không nhớ rõ vào giữa tháng 10 năm 2017, Tạ Văn L và Nguyễn Thành Đ bàn bạc đến ấp HT, xã ĐH lấy trộm mô tơ bơm nước để bán lấy tiền tiêu xài nên cả 02 đi đến phần đất của ông Đỗ Công C lấy 01 mô tơ bơm nước hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực, rồi đi đến phần đất của ông Đường Văn B lấy 01 mô tơ bơm nước hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực. Sau đó, L và Đ tiếp tục đi đến phần đất của ông Huỳnh Văn T lấy 01 mô tơ bơm nước cũng hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực. L và Đ đem 03 cái mô tơ vừa trộm được cất giấu ở bụi cây gần nhà của L. Đến ngày hôm sau, L và Đ đem 03 mô tơ đi đến vừa thu mua phế

liệu của ông Phan Văn C bán được số tiền 500.000 đồng, chia đều và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 05-02-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 03 cái mô tơ hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực, đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại với số tiền 3.135.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày không nhớ rõ vào cuối tháng 10 năm 2017, Tạ Văn Linh cùng Nguyễn Trọng N bàn bạc đến ấp HT, xã ĐH lấy trộm mô tơ bơm nước để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. L và N đi đến phần đất của ông Trần Văn Q lấy 01 mô tơ bơm nước hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực rồi tiếp tục đi đến phần đất của ông Trần Hoàng A lấy 01 mô tơ bơm nước hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực. Sau đó, L và N đem 02 cái mô tơ đi cất giấu đến ngày hôm sau đem 02 cái mô tơ đi đến vừa thu mua phế liệu của ông Phan Văn C bán được số tiền 550.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 05-02-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 02 cái mô tơ hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực, đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại với số tiền 2.310.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày không nhớ rõ vào đầu tháng 11 năm 2017, Tạ Văn L rủ Nguyễn Trọng N và Trương Hán S đi đến khu vực ấp HT, xã ĐH lấy trộm mô tơ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì N và S đồng ý. L, N, S đi đến phần đất của ông Trần Văn Q lấy 01 mô tơ bơm nước hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực, rồi L, N và S đi lại phần đất của ông Hà Văn L lấy trộm 01 mô tơ bơm nước hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực. L, N, S tiếp tục đi đến phần đất của ông Nguyễn Văn Q lấy 01 mô tơ bơm nước hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực, sau đó cả ba tiếp tục đi đến phần đất của ông Nguyễn Như N lấy 01 mô tơ bơm nước cũng hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực. L, N và S đem 04 cái mô tơ vừa trộm được đi cất giấu đến khoảng 19 giờ ngày hôm sau đem 04 cái mô tơ đến tiệm sửa mô tơ ở ấp ĐA, xã ĐH bán cho Trương Hải Đ1, Đ1 biết 04 cái mô tơ là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với số tiền 2.000.000 đồng, số tiền này L, N và S chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, Đ1 bán 04 cái mô tơ cho những người không biết tên và địa chỉ với số tiền 2.800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 05-02-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 04 cái mô tơ hiệu Tân Hoàn Cầu, 1,5 mã lực, đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại với số tiền 3.960.000 đồng.

Như vậy, Tạ Văn L cùng đồng phạm lấy trộm 02 cái bình ắc quy và 09 cái mô tơ, được định giá 12.105.000 đồng; Nguyễn Thành Đ cùng đồng phạm lấy trộm 02 cái bình ắc quy và 03 cái mô tơ, được định giá 5.835.000 đồng; Trương Hán S cùng đồng phạm lấy trộm 04 cái mô tơ, được định giá 3.960.000 đồng.

Ngày 15-3-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trương Hán S về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trương Hải Đ1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ

luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để điều tra làm rõ. Ngày 26-3-2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định nhập vụ án hình sự Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 15 ngày 15-3-2018 với vụ án hình sự Trộm cắp tài sản theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 12 ngày 12-02-2018, gọi chung là vụ án Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có để điều tra làm rõ theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-DH ngày 23-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ và Trương Hán S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố Trương Hải Đ1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S và Trương Hải Đ1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên trình bày bản luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trương Hán S, đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Văn L từ 07 tháng đến 09 tháng tù, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trương Hải Đ1 và đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; về trách nhiệm dân sự những người bị hại đã được bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết; về vật chứng áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị buộc bị cáo Trương Hải Đ1 giao nộp số tiền 800.000 đồng do thu lợi bất chính mà có để nộp ngân sách nhà nước; ngoài ra còn đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ phát biểu quan điểm bào chữa: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát, bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật đối với các bị cáo và phân tích tính chất vụ án, điều kiện hoàn cảnh phạm tội, tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn. Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, gia đình có công với cách mạng, khi phạm tội các bị cáo chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt để các bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt.

Bị cáo Tạ Văn L nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi của mình đã gây ra xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trương Hán S nói lời sau cùng: Bị cáo biết tội xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trương Hải Đ1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết tội của mình gây ra xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa phù hợp biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 10 năm 2017 đến ngày 19-11-2017 tại ấp HT, xã ĐH, huyện D, tỉnh Trà Vinh, Tạ Văn L cùng đồng phạm lấy trộm 02 cái bình ắc quy và 09 cái mô tơ, được định giá 12.105.000 đồng; Nguyễn Thành Đ cùng đồng phạm lấy trộm 02 cái bình ắc quy và 03 cái mô tơ, được định giá 5.835.000 đồng; Trương Hán S đã cùng đồng phạm lấy trộm 04 cái mô tơ, được định giá 3.960.000 đồng; Trương Hải Đ1 biết rõ 04 cái mô tơ do phạm tội mà có nhưng vẫn mua với số tiền 2.000.000 đồng, sau đó Đ1 bán lại cho người khác với số tiền 2.800.000 đồng để thu lợi bất chính. Như vậy hành vi của các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Trương Hải Đ1 đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3]. Về tính chất vụ án: Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt cũng như sản xuất của nhân dân trên địa bàn xã ĐH vì lo sợ bị mất trộm tài sản. Để có tiền tiêu xài không qua lao động hợp pháp, các bị cáo đã nhiều lần lén lút trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thỏa mãn lợi ích của cá nhân. Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia thực hiện, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, vai

trò tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo khác nhau nên cần phân tích hành vi của từng người để áp dụng hình phạt và mức hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo Tạ Văn L là người có vai trò tích cực nhất trong vụ án, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản người khác nên đã nhiều lần rủ rê lôi kéo các đối tượng khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại đem về cất giấu; bị cáo Nguyễn Thành Đ sử dụng xe mô tô biển số 84F5-5778 của bà Nguyễn Thị Đ là mẹ bị cáo làm phương tiện chở đồng phạm đi trộm tài sản và cũng 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Trương Hán S tuy đã thành niên nhưng không khuyên can, ngăn chặn hành vi phạm tội mà cùng với Tạ Văn L và Nguyễn Trọng N 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo L, Đ, S tương xứng với mức độ, vai trò của từng người mới có tính giáo dục răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo Trương Hải Đ1 biết rõ 04 cái mô tô là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với số tiền 2.000.000 đồng và bán lại với số tiền 2.800.000 đồng, với mục đích thu lợi bất chính, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo để răn đe các hành vi tương tự. Đối với Nguyễn Trọng N tham gia trộm cắp tài sản nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an đã xử phạt hành chính với hình thức cảnh cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

Ngoài các lần trộm tài sản trên địa bàn xã ĐH, huyện D, các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S và đối tượng khác còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã D. Do có nhiều đối tượng tham gia và thực hiện nhiều lần, trong đó có đối tượng chưa thành niên cần điều tra mở rộng làm rõ hành vi của từng người, các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện D và thị xã D quyết định xử lý riêng để thuận tiện cho công tác điều tra và đáp ứng công tác phòng chống tội phạm ở từng địa phương.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tạ Văn L cùng đồng phạm 04 lần trộm cắp tài sản của bị hại; bị cáo Nguyễn Thành Đ 02 lần trộm cắp tài sản của bị hại, mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều trên 2.000.000 đồng, nên các bị cáo L và Đ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Trương Hán S và Trương Hải Đ1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Tạ Văn L và Nguyễn Thành Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục bồi thường cho người bị hại; gia đình có công với cách mạng; khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trương Hán S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục bồi thường cho người bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trương Hải Đ1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Các bị cáo Tạ

Văn L, Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã D, đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng thị xã D khởi tố, truy tố nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình của Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Trọng N và Trương Hán S đã khắc phục bồi thường cho anh Đỗ Công C, anh Đường Văn B và ông Huỳnh Văn T mỗi người với số tiền 1.045.000 đồng; bồi thường cho ông Trần Văn Q số tiền 2.145.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Hoàng A với số tiền 1.155.000 đồng; bồi thường cho ông Hà Văn L, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Như N mỗi người với số tiền 990.000 đồng. Riêng Công ty Trách nhiệm hữu hạn V không yêu cầu bồi thường thiệt hại và cũng không có ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô biển số 84F5-5778 là của bà Nguyễn Thị Đ (Mẹ ruột của Nguyễn Thành Đ), không biết Đ dùng làm phương tiện phạm tội nên không tiến hành thu giữ. Riêng cây kìm các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã thu giữ để giải quyết trong vụ án mà các bị cáo trộm cắp trên địa bàn thị xã Duyên Hải theo quy định. Đối với số tiền 800.000 đồng bị cáo Trương Hải Đ1 thu lợi bất chính có được từ việc mua bán tài sản do phạm tội mà có, Hội đồng xét xử quyết định truy thu buộc bị cáo Đ1 giao nộp số tiền này để nộp ngân sách nhà nước.

Xét bản cáo trạng của Viện kiểm sát, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Xét quan điểm bào chữa của Luật sư đề nghị xem xét áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt đối các bị cáo L và Đ là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Buộc các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S và Trương Hải Đ1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trương Hải Đ1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn L 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, Điều 51 Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trương Hán S.

Xử phạt bị cáo Trương Hán S 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trương Hải Đ1.

Xử phạt bị cáo Trương Hải Đ1 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trương Hải Đ1 giao nộp số tiền 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng do thu lợi bất chính mà có để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Tạ Văn L, Nguyễn Thành Đ, Trương Hán S, Trương Hải Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CA huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã ĐH;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Đăng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CA huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
người bào chữa cho bị cáo và người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Đăng